

Số: /KH-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 6 năm 2023

KẾ HOẠCH

Phát triển chính quyền số, chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2023

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022

I. MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ

Trên cơ sở các chủ trương, kế hoạch của Trung ương, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành nhằm triển khai ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Chương trình hành động số 59-CTr/BCSD ngày 27/01/2022 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030.

- Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 02/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 59-CTr/BCSD ngày 27/01/2022 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Công văn số 1259/UBND-KTTH ngày 28/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trong hoạt động các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý khai thác và vận hành Hệ thống thông tin kinh tế xã hội tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế thiết lập, quản lý và sử dụng tên tài khoản truy cập các ứng dụng dùng chung của tỉnh Ninh Thuận.

- Kế hoạch số 3609/KH-BĐHCĐS ngày 18/8/2022 của Ban Điều hành chuyển đổi số về việc triển khai thực hiện chuyển đổi số năm 2022 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 87/2022/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Ủy ban nhân dân Quy định mức hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

II. Hạ tầng kỹ thuật

1. Về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin (CNTT) trong cơ quan nhà nước (CQNN): 100% CBCCVC được trang bị máy tính; 100% CQNN đều có mạng nội bộ, kết nối mạng Internet băng rộng, mạng diện rộng của tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương.

Hạ tầng kỹ thuật CNTT của tỉnh triển khai theo mô hình điện toán đám mây cho tất cả các ứng dụng của tỉnh: Dịch vụ công trực tuyến, Hệ thống thư điện tử, Hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc, Phần mềm chỉ đạo điều hành, Phần mềm đánh giá cán bộ, công chức, Dịch vụ giám sát an toàn thông tin và tất cả các hệ thống thông tin của các ngành, 100% cơ quan nhà nước của tỉnh sử dụng dịch vụ trên hạ tầng điện toán đám mây của tỉnh.

2. Kết nối Mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước: 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đã kết nối với Mạng TSLCD cấp II (Triển khai theo Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành đề án thiết lập mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II tại cơ quan, nhà nước các cấp tỉnh Ninh Thuận) và đã kết nối mạng truyền số liệu cấp II vào mạng truyền số liệu cấp I (Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng chính phủ).

III. Các hệ thống nền tảng

Duy trì, nâng cấp nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) để gửi nhận văn bản điện tử, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước của tỉnh với Trung ương qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP). Nền tảng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (Data warehouse) đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, hiện đang triển khai tích hợp CSDL các ngành¹ vào Data warehouse để chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu mở của tỉnh cho các CQNN, doanh nghiệp và người dân để khai thác sử dụng theo quy định. Hệ thống thông tin kinh tế xã hội của tỉnh đã đưa vào vận hành và kết nối với Hệ thống báo cáo của Chính phủ theo quy định.

Triển khai thí điểm Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh để nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng CNTT, CDS; phần mềm quản lý CBCCVC để cập nhập, quản lý dữ liệu về CBCCVC. Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số: Bưu điện tỉnh đã thu thập, gán mã địa chỉ số với tổng số 146.338 địa chỉ của các cơ quan Đảng, Nhà nước, cơ sở y tế, giáo dục, điểm cung cấp dịch vụ bưu chính của Bưu điện và các địa chỉ nhà dân trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, hiện nay toàn tỉnh có hơn 41 phần mềm, CSDL quản lý chuyên

¹ CSDL về Bảo trợ xã hội, CSDL về giá, CSDL về giáo dục và đào tạo, CSDL Báo cáo KTXH, CSDL về Dịch vụ công và CSDL về Phản ánh hiện trường.

ngành để phục vụ cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, cơ quan, đơn vị.

IV. Phát triển Chính quyền số

- Duy trì, triển khai thực hiện Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc không giấy tờ đến Tỉnh ủy và tất cả các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố. Hội nghị truyền hình trực tuyến được kết nối liên thông 4 cấp từ Trung ương, tỉnh, huyện và 65/65 xã, phường, thị trấn, đảm bảo 100% cuộc họp qua hội nghị truyền hình giữa UBND tỉnh với các CQNN, UBND cấp huyện, cấp xã.

- Hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ công tác chỉ đạo điều hành cấp uỷ, cập nhật thông tin, số liệu cụ thể của từng bộ phận chuyên môn, các đơn vị phục vụ kịp thời công tác tham mưu, tổng hợp góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành trong các cơ quan Đảng, chính quyền và tổ chức chính trị-xã hội tỉnh Ninh Thuận. Đến nay, có 47 cơ quan, đơn vị tham gia nhập liệu trên phần mềm với gần 250 tài khoản; 710/1.030 biểu mẫu báo cáo thuộc 7 lĩnh vực đã được nhập liệu lên hệ thống.

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành: Hiện nay, việc trao đổi, xử lý văn bản điện tử trên môi trường mạng đạt 98,95% đối với cấp tỉnh, 96,58% đối với cấp huyện và 92,35% đối với cấp xã. Tổng số văn bản đi và văn bản đến toàn tỉnh tính từ ngày 01/01/2022 đến 31/11/2022 có 889.221 văn bản giảm 7.32% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó: 679.746 văn bản đến giảm 6,03% so với năm 2021, 209.475 văn bản đi giảm 11,49% so với năm 2021 (cấp tỉnh: 306.062 văn bản đến, 88.347 văn bản đi; cấp huyện 122.611 văn bản đến, 65.338 văn bản đi; cấp xã 251.073 văn bản đến, 55.790 văn bản đi).

- Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) tỉnh hiện có 1.122 DVCTT²; đã tích hợp và đồng bộ trạng thái hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia (DVCQG) 1.089/1.122 DVCTT đạt 97.06%; kết nối, tích hợp, chia sẻ kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) giữa Cổng dịch vụ công tỉnh với Cổng dịch vụ công của 6 Bộ³; kết nối và khai thác sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về dân cư⁴.

Triển khai DVCTT (đối với 25 dịch vụ công thiết yếu) theo Đề án 06/CP: Sáu tháng đầu năm, đã tiếp nhận và giải quyết 79.433 hồ sơ trực tuyến/111.060 hồ sơ, đạt 71,52%, trong đó có 68.826 hồ sơ đối với 11 DVCTT thuộc thẩm quyền của Công an tỉnh và 10.607 hồ sơ đối với 14 DVCTT thuộc thẩm quyền của các Sở, ngành, địa phương.

- Cổng/Trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của tỉnh. Cổng/Trang thông tin điện tử đã

² Trong đó có 419 DVCTT toàn trình (cấp tỉnh 331, cấp huyện 67, cấp xã 21) và 703 DVCTT một phần (cấp tỉnh 439, cấp huyện 192, cấp xã 72).

³ Bộ Tư pháp, Bộ KH&ĐT, Bộ Xây dựng, Bộ GTVT, Bộ TNMT, Bộ LĐTB&XH.

⁴ Đã tạo và cấp hơn 232 tài khoản cho các đơn vị để khai thác CSDLQG về dân cư để phục vụ giải quyết TTHC. Tính đến ngày 12/6/2023, có 21.287 lượt truy cập, khai thác CSDLQG về dân cư (cấp tỉnh 971 lượt; cấp huyện, xã 20.316 lượt).

đăng tải 6.678 tin bài, tăng 20,65% so với cùng kỳ (trong đó, Cổng đăng tải 456 tin bài, các Trang thành phần đăng tải 6.222 tin bài).

- Trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC) hoạt động ổn định; thực hiện chế độ báo cáo giám sát tình hình hoạt động Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng và điều hành đô thị thông minh hàng tuần và phát hành bản tin điện tử SOC và IOC hàng tháng. Hệ thống camera giám sát kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông đường bộ tại khu vực nội đô thành phố PRTC và tuyến Quốc lộ 1A qua địa bàn tỉnh; sáu tháng đầu năm 2023, đã phạt nguội 3.110 trường hợp. Thành phố PRTC đã thực hiện hoàn thành dự án xây dựng đô thị thông minh thành phố PRTC giai đoạn 2021-2025 (đối với hạng mục giải pháp công nghệ); đưa Trung tâm điều hành đô thị thông minh thành phố đi vào hoạt động. Hiện nay, tỉnh đang triển khai xây dựng phần mềm Smart Ninh Thuận để phục vụ chính quyền, người dân và doanh nghiệp.

V. Phát triển nguồn nhân lực

Hiện nay, số lượng CBCCVC chuyên trách về CNTT của tỉnh hiện có 87 người, có 04 CCVC chuyên trách CNTT đã tham gia lớp bồi dưỡng đội ngũ nòng cốt CDS; thành lập 446 Tổ CNS cộng đồng cấp xã, thôn/khu phố với 2.439 thành viên; đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về CDS cho 210 cán bộ lãnh đạo UBND cấp xã, 983 thành viên Tổ CNS cộng đồng và 150 cán bộ Đoàn, đoàn viên thanh niên. Đây là lực lượng nòng cốt để tham gia vào công tác tham mưu triển khai thực hiện công tác CDS, đưa nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số đến với người dân, qua đó thúc đẩy nhanh quá trình CDS của tỉnh. Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao nhận thức và phổ cập kỹ năng số cho các sở, ban, ngành, mặt trận, đoàn thể, địa phương và các thành viên Tổ CNS cộng đồng; triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về công CNTT trên địa bàn tỉnh.

VI. Đảm bảo an toàn thông tin

Duy trì hoạt động Hệ thống giám sát an toàn, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu cho các hệ thống thông tin Chính quyền số theo mô hình 04 lớp. Hệ thống đã được kết nối, chia sẻ dữ liệu giám sát, chia sẻ thông tin về mã độc cho Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia theo quy định; 100% (28/28) hệ thống thông tin CQNN được phê duyệt và triển khai phương án bảo vệ theo cấp độ, đáp ứng các tiêu chí về an toàn thông tin để kết nối vào CSDLQG về dân cư.

Công an tỉnh đã triển khai xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ đối với 04 hệ thống thông tin quan trọng của ngành theo quy định; kết nối mạng BCAnet và các hệ thống CSDL của lực lượng Công an; theo dõi vận hành hệ thống giám sát an ninh kênh truyền phục vụ dự án CSDLQG về dân cư tại Trung tâm mạng BCAnet Công an tỉnh.

Triển khai sử dụng nền tảng ứng cứu sự cố cho các thành viên Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin của tỉnh, với 30 thành viên; theo dõi triển khai khắc

phục kịp thời các lỗ hổng bảo mật theo cảnh báo của Cục An toàn thông tin; tiếp tục rà soát, đầu tư nâng cấp hạ tầng thông tin để bảo đảm an toàn, an ninh mạng khi triển khai kết nối, khai thác CSDLQG về dân cư. Hệ thống giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC) hoạt động ổn định, thực hiện tốt việc kết nối, chia sẻ thông tin giám sát, thông tin về mã độc cho Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia theo quy định⁵. Trong năm, công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng của tỉnh được tăng cường và đảm bảo, không có sự cố tấn công mạng xảy ra.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2023

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Luật Công nghệ thông tin năm 2006;

Luật An toàn thông tin mạng năm 2015;

Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp, bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia;

Quyết định số 632/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục lĩnh vực quan trọng cần ưu tiên bảo đảm an toàn thông tin mạng và hệ thống thông tin quan trọng quốc gia;

Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 25/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố, tăng cường năng lực cho các cán bộ, bộ phận chuyên trách ứng cứu sự cố mạng trên toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến 2025;

Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến 2025”;

Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;

⁵ Tính đến ngày 12/6/2023, hệ thống giám sát máy chủ (Viettel CyCir) có 35.576 cảnh báo mức độ trung bình, 1.901 cảnh báo mức độ cao và 432 cảnh báo mức độ nghiêm trọng; hệ thống giám sát máy trạm (Viettel Ajiant) có 6.733 cảnh báo mức độ thấp, 7.598 cảnh báo mức độ trung bình, 1.265 cảnh báo mức độ cao. Các cảnh báo đã được Trung tâm phối hợp với đơn vị giám sát an ninh mạng (Viettel) rà soát, xác minh các tiến trình cảnh báo và xử lý kịp thời, đảm bảo hệ thống luôn hoạt động ổn định, xuyên suốt.

Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 09/3/2020 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025”;

Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025”;

Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025”;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh;

Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án “Phát triển dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, định hướng đến năm 2025”;

Kế hoạch số 4125/KH-UBND ngày 16/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025;

Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định số 1912/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Ninh Thuận, phiên bản 2.0;

Quyết định số 1894/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Ninh Thuận năm 2023”

II. MỤC TIÊU

Phấn đấu cải thiện chỉ số thành phần Hiện đại hoá nền hành chính trong chỉ số cải cách hành chính tỉnh và chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh Ninh Thuận. Trong năm 2023, việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng của tỉnh tập trung vào một số mục tiêu cụ thể như sau:

1. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

b) Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 75%; Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) được tiếp nhận, xử lý trực tuyến đạt 70%.

c) 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng với dịch vụ của cơ quan nhà nước.

d) Kết nối, liên thông các cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ số bao gồm các cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm; Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục đạt 50% (*không áp dụng đối với dữ liệu mật, tuyệt mật và dữ liệu phục vụ công tác quân sự, quốc phòng*).

2. Phát triển Chính quyền số

a) Tiếp tục duy trì 100% phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc

của các cơ quan nhà nước trong tỉnh được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử.

b) Tiếp tục xây dựng, cập nhật các tài liệu tuyên truyền về chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

c) 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 95% hồ sơ công việc tại cấp huyện, 75% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*). Đảm bảo 100% văn bản điện tử gửi, nhận giữa các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp được ký số thay thế văn bản giấy (*trừ văn bản mật*).

d) 95% báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện qua hệ thống báo cáo điện tử của tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống báo cáo tỉnh Ninh Thuận với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ (*trừ các báo cáo thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

đ) 100% cơ quan nhà nước từ cấp huyện kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

e) Xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy.

g) Ngành giáo dục và đào tạo chủ động xây dựng hệ sinh thái giải pháp chuyển đổi số liên thông trong toàn ngành, hình thành trục cơ sở dữ liệu với nhiều phân hệ theo chuyên ngành, đồng thời tích hợp với môi trường kiến trúc số của tỉnh (Kiến trúc chính quyền điện tử). Trong đó tập trung phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa; ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý hành chính và quản trị trường học. Ứng dụng công nghệ số triệt để trong công tác khảo thí và quản lý chất lượng giáo dục, công tác tuyển sinh các cấp học và các giải pháp trường học “không dùng tiền mặt” nhằm hướng tới sự tiện lợi cho người dùng.

h) Mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương phấn đấu hoàn thành ít nhất một sản phẩm chuyển đổi số năm 2023;

3. Bảo đảm an toàn thông tin

a) 100% hệ thống thông tin của tỉnh thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

b) 100% người đứng đầu của các đơn vị, tổ chức nhà nước (trực thuộc cơ quan) được tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo đảm an toàn thông tin.

c) 70% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan (bao gồm cả các đơn vị, tổ chức nhà nước trực thuộc) được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin.

d) 100% trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các cơ sở bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn.

đ) Tiếp tục triển khai duy trì Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC)

e) Tiếp tục tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin; tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng.

g) Tiếp tục nâng cấp và duy trì bảo đảm an toàn thông tin mô hình 4 lớp theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động của cơ quan, tổ chức.

III. NHIỆM VỤ

1. Phát triển hạ tầng số

a) Tiếp tục nâng cấp hoàn chỉnh hạ tầng dùng chung, hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; đảm bảo hạ tầng nền tảng phát triển dịch vụ đô thị thông minh và nền tảng IoT.

b) Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước thực hiện các ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ dùng chung của tỉnh, đưa vào sử dụng nền tảng LGSP và kết nối với hệ thống NGSP quốc gia; tích hợp các hệ thống thông tin của tỉnh và cơ quan Trung ương.

c) Xây dựng, phát triển hạ tầng mạng truyền dẫn băng rộng chất lượng cao trên địa bàn tỉnh; ưu tiên triển khai tại các khu vực có mật độ dân cư đông, khu công nghiệp, trường học, bệnh viện.

d) Tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai, kết nối sử dụng hệ thống mạng WAN nội tỉnh tốc độ cao trong các cơ quan nhà nước tỉnh Ninh Thuận.

đ) Cấp, phát chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc, dịch vụ công trực tuyến và các loại hình giao dịch điện tử khác do tỉnh triển khai đảm bảo đúng quy định.

2. Phát triển các nền tảng, hệ thống

a) Triển khai ứng dụng nền tảng phân tích, xử lý, chuẩn hoá dữ liệu về phát triển kinh tế-xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ chính phủ số, hướng tới hình thành kho dữ liệu dùng chung cấp bộ, ngành, địa phương; thực hiện hiệu quả nền tảng dữ liệu số đang quản lý và quy trình đang thực hiện để đưa vào kho dữ liệu dùng chung (data warehouse), Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, đảm bảo việc kết nối, chia sẻ

dữ liệu, đồng bộ, thông suốt từ Trung ương đến địa phương; mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở cho các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và công dân khai thác sử dụng theo quy định.

b) Triển khai hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia, nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử trên địa bàn tỉnh bảo đảm thiết thực, hiệu quả để phục vụ giao dịch điện tử giữa người dân với cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác một cách dễ dàng, đơn giản, tiện lợi. Phối hợp triển khai hệ thống thanh toán điện tử, kết nối với Cổng hỗ trợ thanh toán quốc gia (Cổng PayGov), hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông triển khai dịch vụ thanh toán điện tử (Mobile Money) đối với người dân để phổ cập, cung cấp khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.

c) Xây dựng nền tảng tích hợp dữ liệu hình thành kho dữ liệu dùng chung: cung cấp các tính năng, dịch vụ tích hợp, quản lý và khai thác tập trung các nguồn dữ liệu có trên địa bàn; tích hợp về kho dữ liệu thông qua nền tảng tích hợp dữ liệu các nguồn dữ liệu trên địa bàn tỉnh; hình thành cơ sở dữ liệu dùng chung.

d) Lựa chọn các nền tảng số và triển khai các nền tảng số quốc gia để phục vụ công tác chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh. Trong quá trình lựa chọn và xây dựng sản phẩm chuyển đổi số phải tính toán bảo đảm tính an toàn, liên thông, kết nối và chia sẻ dữ liệu dùng chung, tránh tình trạng xây dựng các phần mềm độc lập, không tương thích với các phần mềm và dữ liệu dùng chung của quốc gia, tỉnh gây lãng phí nguồn lực và khó phát triển nội dung số trong giai đoạn tiếp theo.

3. Phát triển dữ liệu số

a) Kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL quốc gia về dân cư theo Quyết định số 1911/QĐ-TTg ngày 15/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa CSDL quốc gia về dân cư với CSDL quốc gia và CSDL chuyên ngành.

b) Thực hiện kết nối (APIs) dữ liệu Hệ chương trình quản lý giáo dục với Hệ thống báo cáo kinh tế xã hội của tỉnh nhằm liên thông dữ liệu, không phải nhập liệu hàng tháng, quý đối với các dữ liệu cơ bản của ngành.

c) Hoàn thành việc đồng bộ dữ liệu quốc gia về giáo dục giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo (csdln.moet.vn) với Hệ Chương trình quản lý giáo dục Ninh Thuận (qlgd.ninhthuan.edu.vn).

d) Tiếp tục rà soát, xây dựng, nâng cấp, chỉnh sửa phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh trên cơ sở đảm bảo tương thích để tích hợp dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức và hệ thống các phần mềm khác để thực hiện chuyển đổi số, tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, góp phần phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo chủ trương, mục tiêu, lộ trình của Trung ương và của tỉnh đề ra.

đ) Xây dựng dự án số hoá sở hộ tịch trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

4. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

a) Phát triển các ứng dụng, dịch vụ phục vụ hoạt động nội bộ các cơ quan nhà nước: Triển khai hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc không giấy tờ đến các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Tiếp tục thuê dịch vụ Hội nghị truyền hình trực tuyến.

b) Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp: Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện cổng dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin một cửa điện tử các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã để thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia. Nâng cấp, mở rộng hệ thống quản lý định danh và xác thực người dùng tập trung (SSO) phục vụ cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp tại tỉnh Ninh Thuận.

5. Bảo đảm an toàn thông tin

a) Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 417/KH-UBND ngày 27/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025” theo Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025”.

b) Tổ chức triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Thường xuyên rà soát, cập nhật để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Mở rộng phạm vi, nâng cao chất lượng, mức độ giám sát và bảo vệ cho 100% hệ thống thông tin của cơ quan. Áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (nhất là TCVN 11930:2017) vào hoạt động của cơ quan.

c) Duy trì và nâng cấp Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC), kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin); Tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp, hệ thống trung tâm dữ liệu và thiết bị đầu cuối.

d) Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân năm 2023.

đ) Tổ chức tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng trong các cơ quan quản lý nhà nước hành chính trên địa bàn tỉnh.

e) Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

g) Triển khai Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025”: Tăng cường tổ chức, tham gia các hoạt động liên quan đến bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng; nâng cao nhận thức và từng bước trang bị kỹ năng số cho trẻ em trên địa bàn.

6. Phát triển nguồn nhân lực

a) Bố trí cán bộ hỗ trợ việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin có đủ năng lực và trình độ cho các cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm việc tham mưu triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh đồng bộ và hiệu quả.

b) Nâng cao nhận thức lãnh đạo các cấp về xây dựng và triển khai chính quyền số; công tác quản lý Nhà nước lĩnh vực chuyển đổi số.

c) Tổ chức đào tạo chuyên sâu các kiến thức, kỹ năng để quản trị, điều hành các hệ thống thông tin (*hạ tầng, ứng dụng, an ninh, an toàn thông tin...*) cho các cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tại các đơn vị cấp sở, ngành và địa phương

d) Triển khai đào tạo cho người dân và doanh nghiệp khai thác các dịch vụ của tỉnh. Nâng cao năng lực đội ngũ an toàn thông tin; duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

đ) Cung cấp thông tin, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các ứng dụng số trong giao tiếp với các cơ quan hành chính Nhà nước; nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp về lợi ích, hiệu quả đem lại của Chính quyền số.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

a) Cấp ủy Đảng, Chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh về sự cần thiết trong việc chuyển đổi số. Đưa các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số vào Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch, Đề án, Dự án nhằm tận dụng tối đa cơ hội để phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

b) Truyền thông sâu rộng đến người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số nhằm giúp người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được nhận thức sâu sắc hơn về thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chia sẻ kinh nghiệm về các nội dung, mô hình chuyển đổi số của các Sở, ban ngành, địa phương; chủ động thí điểm triển khai sáng kiến mới tại địa phương, có khả năng nhân rộng trên toàn quốc, đặc biệt là các sáng kiến liên quan đến dữ liệu số.

đ) Tổ chức các khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; các khóa chuyên sâu và nâng cao về kiến thức chuyển đổi số, phương thức tạo lập, hình thành các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số.

e) Triển khai hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng hiệu quả hơn, tích cực hơn để hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng số.

g) Tăng cường công tác tuyên truyền về lợi ích của chuyển đổi số đến người dân, doanh nghiệp; giúp người dân, doanh nghiệp nâng cao nhận thức, hiểu rõ về lợi ích và hiệu quả. Các cơ quan truyền thông nghiên cứu, bố trí dành thời lượng nhất định để truyền thông về chuyển đổi số.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

a) Phối hợp, tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân nhằm triển khai các dịch vụ Chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

b) Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp, công nghệ “Make in Viet Nam” trong các hệ thống Chính quyền điện tử, Chính quyền số của tỉnh.

c) Phối hợp, kết nối với các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin (VNPT, Viettel, mobifone) trên địa bàn tỉnh tăng cường, hỗ trợ nguồn nhân lực CNTT cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo hướng thuê nhân sự CNTT trong giai đoạn chưa bố trí đủ nhân lực theo nhu cầu để đáp ứng yêu cầu công việc. Sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí hỗ trợ để phục vụ cho việc đào tạo, nghiên cứu ứng dụng và phát triển CNTT.

d) Các doanh nghiệp cần đẩy nhanh việc đưa hoạt động sản xuất, kinh doanh lên môi trường số, thiết lập các kênh cung cấp dịch vụ số hiệu quả, nhất là thương mại điện tử, thanh toán trực tuyến... Đẩy mạnh đầu tư phát triển hạ tầng số, nhất là hạ tầng số dùng chung; chú trọng đầu tư cho nghiên cứu và phát triển; tăng cường hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số. Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người dân và doanh nghiệp

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

a) Khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số triển khai thử nghiệm trên địa bàn tỉnh về các mô hình công nghệ số tiên tiến của thế giới để tiên phong thử nghiệm công nghệ mới nhất, mô hình mới nhất trên thế giới.

b) Đẩy mạnh công tác số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, khai thác, chỉ đạo, điều hành của địa phương và kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, cung cấp các tiện ích phục vụ người dân, doanh nghiệp.

4. Thu hút nguồn lực CNTT

Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 87/2022/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh về quy định mức hỗ trợ cán bộ, công chức viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; liên kết tổ chức các lớp đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin để cập nhật kịp thời kiến thức, kỹ năng mới nhất, nhằm tạo niềm tin, động lực thu hút nguồn nhân lực CNTT.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế

a) Chủ động hợp tác với các địa phương trong phát triển Chính phủ số, Chính quyền số.

b) Nghiên cứu, thăm quan, học tập kinh nghiệm về xây dựng đô thị thông minh, chính quyền số của một số các tỉnh, thành bảo đảm phù hợp với điều kiện của tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Sử dụng nguồn vốn ứng dụng công nghệ thông tin năm 2023: 11 tỷ đồng (chưa trừ tiết kiệm 10%) và Nguồn vốn đầu tư công: 25,3 tỷ đồng hoặc các nguồn vốn khác (nếu có)

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công)

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, kiểm tra các Sở, ban, ngành, địa phương cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thường xuyên chủ động thực hiện việc rà soát cắt giảm, tái cấu trúc quy trình TTHC.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này; chủ động hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Kế hoạch Phát triển chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Ninh Thuận năm 2023 đảm bảo đồng bộ, thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị trong công tác triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Đầu mối phối hợp với Bộ, ngành Trung ương trong triển khai các nền tảng số toàn quốc; triển khai các giải pháp kỹ thuật thực hiện kết nối, tích hợp giữa các hệ thống thông tin của tỉnh với các cơ sở dữ liệu quốc gia; thực hiện chia sẻ cho các cơ quan sử dụng, cung cấp công khai và mở cho người dân, doanh nghiệp.

c) Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn nâng cao năng lực về chuyển đổi số cho các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tổng hợp, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, hạng mục CNTT, phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch, triển khai công tác thông tin, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, các ngành, đông đảo người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia.

3. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn cán bộ, công chức, viên chức (kết hợp lồng ghép trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh) để đáp ứng khả năng quản trị, vận hành và sử dụng có hiệu của hệ thống. Tham mưu rà soát, cân đối-bố trí biên chế phù hợp cơ quan, đơn vị, địa phương để hình thành đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1048/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định hiện hành.

b) Chủ trì xây dựng quy định về thi đua khen thưởng: Đưa kết quả triển khai chính quyền số của cơ quan nhà nước là một trong những tiêu chí xét thi đua hàng năm.

c) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ban, ngành, địa phương hoàn thiện cơ sở vật chất, bộ máy nhân sự, xây dựng các quy trình tác nghiệp để thực hiện các giao dịch và giải quyết các thủ tục hành chính đối với người dân và doanh nghiệp.

d) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với Chương trình cải cách hành chính.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì thực hiện các giải pháp xây dựng chính sách, tư vấn, hỗ trợ, đề xuất các cơ chế huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghệ thông tin.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ngành liên quan thẩm định báo cáo chủ trương đầu tư trình cấp có thẩm quyền quyết định, bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin thuộc nhiệm vụ chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm.

5. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí (vốn sự nghiệp) để thực hiện Kế hoạch đảm bảo trong khả năng cân đối ngân sách năm 2023 theo quy định.

b) Phối hợp hướng dẫn các đơn vị, địa phương trong công tác thanh quyết toán kinh phí được giao thực hiện Kế hoạch theo quy định tài chính hiện hành.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để giám sát đảm bảo các nội dung đầu tư trong Kế hoạch đồng bộ, phù hợp với các quy chuẩn công nghệ hiện đại.

b) Trên cơ sở đề xuất đặt hàng của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện thành phố trên địa bàn tỉnh, tham mưu đề xuất Hội đồng khoa học tỉnh xem xét thực hiện các dự án, đề tài nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ trong phát triển chính quyền số, chuyển đổi số.

c) Triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học công nghệ; hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, ưu tiên cho lĩnh vực chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

7. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh, tăng cường tuyên truyền ứng dụng chuyển đổi số trong ngành Công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Triển khai hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia thị trường và phát triển thương hiệu.

8. Sở Lao động -Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp truyền thông, phổ biến kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người được giao làm công tác bảo vệ trẻ em và mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em.

9. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan

a) Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, trong ứng dụng chuyên ngành nhằm nâng cao hiệu quả công tác và thiết lập, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị khác chủ trì, thực hiện các dự án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin được phân công.

c) Đảm bảo đầu tư và thực hiện các dự án đầu tư đã được các cấp có thẩm quyền quyết định theo đúng tiến độ.

Trên đây là Kế hoạch phát triển chính quyền số, chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2023. Đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo thực hiện. Trong quá

trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp) để xem xét, giải quyết./.

(Đính kèm phụ lục I, II)

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thành viên BCD xây dựng CQĐT;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo NT, Đài PTTH, TTXVN tại Ninh Thuận;
- Cổng TTĐT của tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH, TTPVHCC;
- Lưu: VT. NV

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Long Biên

Phụ lục I
Danh sách hệ thống thông tin đã phê duyệt cấp độ
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / 6/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Đơn vị quản lý	Tên hệ thống thông tin	Cấp độ an toàn	Thời gian xác định cấp độ (tháng/năm)	Đáp ứng về yêu cầu tối thiểu bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ (đáp ứng/chưa)
1	Sở Thông tin và Truyền thông	Hệ thống thông tin tại trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	3	29/12/2020	Đáp ứng
2	Viễn thông Ninh Thuận	Mạng Truyền số liệu chuyên dùng cấp II tại địa phương của VNPT Ninh Thuận	3	03/8/2022	Đáp ứng
3	Đài Phát thanh và Truyền hình	Hệ thống mạng nội bộ tại Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	2	17/8/2020	Đáp ứng
4	Ban Quản lý các khu công nghiệp	Hệ thống thông tin mạng nội bộ tại Ban Quản lý các khu công nghiệp	2	05/8/2019	Đáp ứng
5	Sở Công Thương	Hệ thống thông tin mạng nội bộ tại Sở Công Thương	2	26/4/2019	Đáp ứng
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	Hệ thống mạng nội bộ tại Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Thuận	2	4/5/2019	Đáp ứng
7	Sở Khoa học và Công nghệ	Hệ thống mạng nội bộ tại Sở Khoa học và Công nghệ	2	28/5/2019	Đáp ứng
8	Văn Phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Hệ thống mạng nội bộ tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	2	07/9/2020	Đáp ứng
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hệ thống mạng nội bộ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư	2	30/8/2019	Đáp ứng
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hệ thống mạng nội bộ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2	06/10/2021	Đáp ứng
11	Sở Nội vụ	Hệ thống thông tin tại Sở Nội vụ tỉnh Ninh Thuận	2	26/6/2019	Đáp ứng
12	Sở Tài chính	Hệ thống mạng nội bộ của Sở Tài Chính	2	22/9/2021	Đáp ứng
13	Sở Tư pháp	Hệ thống thông tin mạng nội bộ tại Sở Tư pháp	2	23/9/2021	Đáp ứng
14	Sở Xây dựng	Hệ thống thông tin mạng nội bộ của Sở Xây dựng	2	11/10/2021	Đáp ứng
15	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Hệ thống mạng nội bộ Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	2	22/7/2019	Đáp ứng
16	Sở Giao thông Vận tải	Hệ thống mạng nội bộ và hệ thống thông tin Quản lý Giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải	2	07/9/2020	Đáp ứng

STT	Đơn vị quản lý	Tên hệ thống thông tin	Cấp độ an toàn	Thời gian xác định cấp độ (tháng/năm)	Đáp ứng về yêu cầu tối thiểu bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ (đáp ứng/chưa)
17	Thanh tra tỉnh	Hệ thống mạng nội bộ	2	31/8/2020	Đáp ứng
18	Ban Dân tộc	Hệ thống mạng nội bộ Ban dân tộc	2	20/8/2020	Đáp ứng
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	Hệ thống mạng nội bộ	2	19/10/2021	Đáp ứng
20	Sở Văn hóa, Thể thao và DL	Hệ thống mạng nội bộ	2	13/10/2021	Đáp ứng
21	Sở Y tế	Hệ thống mạng nội bộ	2	18/10/2021	Đáp ứng
22	UBND Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Hệ thống mạng nội bộ	2	28/10/2020	Đáp ứng
23	Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải	Hệ thống thông tin mạng nội bộ của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải	2	12/6/2019	Đáp ứng
24	Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc	Hệ thống thông tin mạng nội bộ của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc	2	18/10/2021	Đáp ứng
25	UBND Huyện Ninh Sơn	Hệ thống mạng nội bộ Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn	2	04/9/2020	Đáp ứng
26	UBND Huyện Ninh Phước	Hệ thống mạng nội bộ Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước	2	21/10/2021	Đáp ứng
27	UBND Huyện Thuận Nam	Hệ thống mạng nội bộ Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam	2	28/7/2021	Đáp ứng
28	UBND huyện Bác Ái	Hệ thống mạng nội bộ huyện Bác Ái	2	28/10/2021	Đáp ứng

Phụ lục II
Tình hình bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ
thông tin của các cơ quan nhà nước năm 2022

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / 6 /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Hiện trạng
1	Dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để lập báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025	3.603.101.767	Vốn cân đối ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Vốn sự nghiệp Công nghệ thông tin Ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 506/QĐ-UBND ngày 04/5/2022	Đã và đang triển khai
2	Nâng cấp hệ thống thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh bảo đảm an ninh, an toàn và bảo mật thông tin, thực hiện kết nối, chia sẻ với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư quốc gia theo Đề án 06	3.000.000.000	Nguồn CNTT theo Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	Đã hoàn thành
3	Nền tảng tích hợp dữ liệu hình thành kho dữ liệu dùng chung	3.139.862.000	Nguồn CNTT theo Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Đã hoàn thành
4	Thuê dịch vụ an toàn thông tin mạng.	901.000.000	Nguồn CNTT theo Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Đã hoàn thành
5	Đào tạo cho người dân và doanh nghiệp khai thác các dịch vụ của tỉnh	150.000.000	Nguồn CNTT theo Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Đã hoàn thành
6	Đào tạo, diễn tập CNTT cho CBCCC chuyên trách CNTT các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	100.000.000	Nguồn CNTT theo Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Đã hoàn thành
7	Xây dựng, triển khai hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của tỉnh	400.000.000	Nguồn CNTT theo Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Đã hoàn thành

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Hiện trạng
8	Nâng cấp hệ thống dịch vụ công trực tuyến phù hợp với yêu cầu kết nối chia sẻ dữ liệu và đáp ứng đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính	877.138.000	Nguồn CNTT theo Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Đã hoàn thành
9	Thuê dịch vụ hội nghị truyền hình trực tuyến	912.000.000	Nguồn CNTT theo Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Đã hoàn thành
10	Tổ chức Hội thi tin học trẻ tỉnh Ninh Thuận năm 2022	50.000.000	Nguồn CNTT theo Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Đã hoàn thành
11	Chi phí tiền điện, tiền dầu, bảo dưỡng cho Trung tâm tích hợp dữ liệu, Trung tâm giám sát an toàn, an ninh, thông tin mạng và điều hành đô thị thông minh tỉnh Ninh Thuận	400.000.000	Nguồn CNTT theo Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Đã hoàn thành
12	Kinh phí hoạt động Ban chuyển đổi số	50.000.000	Nguồn CNTT theo Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Đã hoàn thành
13	Mở rộng hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Ninh Thuận	220.000.000	Nguồn CNTT theo Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Đã hoàn thành
14	Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin (phòng họp trực tuyến), đầu tư phần mềm, ATTT, trung tâm IOC thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	4.289.647.000	Ngân sách địa phương	Đang triển khai trung tâm IOC
15	Xây dựng ngân hàng dữ liệu số và hệ quản trị cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý khai thác kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Ninh Thuận hướng tới phát triển chính phủ điện tử	2.066.000.000	Kinh phí sự nghiệp KHCN	Đã và đang triển khai
16	Phần mềm tài khoản phục vụ bồi dưỡng tập huấn chương trình GDPT theo hình thức trực tuyến qua mạng	1.125.000.000	Kinh phí sự nghiệp ngành Giáo dục	Đã hoàn thành
17	Phần mềm kiểm định chất lượng	1.146.650.000	Kinh phí sự nghiệp ngành	Đã hoàn

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Hiện trạng
	giáo dục		Giáo dục	thành
18	Phần mềm quản lý tuyển sinh	1.971.420.000	Kinh phí sự nghiệp ngành Giáo dục	Đã hoàn thành
19	Phần mềm bài học tập viết chữ Việt	2.786.950.000	Kinh phí sự nghiệp ngành Giáo dục	Đã hoàn thành
20	Phần mềm thiết kế giáo án điện tử (E-Learning)	1.435.200.000	Kinh phí sự nghiệp ngành Giáo dục	Đã hoàn thành
21	Phần mềm Hệ thống quản lý học, dạy và học trực tuyến, hỗ trợ kiểm tra đánh giá, tổ chức thi online các trường THCS, THPT	3.690.000.000	Kinh phí sự nghiệp ngành Giáo dục	Đã hoàn thành
	Tổng cộng:	32.313.968.767		